

Ia Grai, ngày 24 tháng 11 năm 2021

Số: 81/2021/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 (thụ lý bổ sung ngày 13/10/2021), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn T**;

Địa chỉ: Thôn 8, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**

Địa chỉ: Thôn 8, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nuôi con khi ly hôn:* Giao con **Trần Anh M**, sinh ngày 04/11/2006 cho ông Trần Văn Thành trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 16/11/2021 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Trần Anh M mỗi năm là **15.000.000đ** (mười lăm triệu đồng), kể từ ngày 16/11/2021 và chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về tài sản:* Không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí:*

Án phí về ly hôn: Thuận tình ly hôn các đương sự phải nộp 50% mức án phí quy định là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Ông Trần Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011990 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, hoàn trả lại cho ông T 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) chênh lệch.

Án phí về cấp dưỡng: Các đương sự thoả thuận được với nhau trước khi mở phiên toà chỉ phải chịu 50% mức án phí là 150.000đ, bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí là **150.000đ** (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Ia Tô;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Chí Công